CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF APPROVED PRODUCT

Từ ngày: 01/07/2019 Đến ngày: 01/07/2024

Loại hình công nhận: , CWA, CTA, CDA

Nhóm sản phẩm: Vật liệu phi kim

Loại sản phẩm:

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
Vật liệu phi kim/ Nonmetallic materials					
1	BẠC TRỤC CHÂN VỊT BẰNG CAO SU ĐÚC/ Rubber stern tube bearing	Công ty TNHH Cao su kỹ thuật Minh Tuệ Địa chỉ: Số 116 Nguyễn Văn Cừ, KV4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ Minh Tue technical rubber Co.,Ltd Address: No.116 Nguyen Van Cu, KV4, An Binh, Ninh Kieu, Can Tho City.	Kiểu/ Type: Bạc cao su bôi trơn bằng nước/Water-Lubricated rubber bearings Vật liệu chế tạo bạc/ Bearing material: Hỗn hợp cao su đúc. Vật liệu chế tạo vỏ bạc/ Shell bearing material: Ống đồng thau đúc liền H3300, C2800, ½ H; Composite. Đường kính trong/ Inner diameter: 44,45 ÷ 450,00 mm Đường kính ngoài/ outside diameter: 66,68 ÷ 560,00 mm	00655/21CN01.WA 23/08/2021 05/08/2026 23/02/2024	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
2	BẠC TRỤC CHÂN VỊT BẰNG CAO SU ĐÚC/ Rubber stern tube bearing	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Trí Tuệ Địa chỉ: Số 95A Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam Anh Tri Tue Production and Trade Company Limited Address: No.95A Le Hong Phong Street, Tra An Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam	Kiểu/ Type: Bạc cao su bôi trơn bằng nước/Water-Lubricated rubber bearings. Vật liệu chế tạo bạc/ Bearing material: Hỗn hợp cao su đúc/ Synthetic ruber. Vật liệu chế tạo vỏ bạc/ Shell bearing material: Ống đồng thau đúc liền; Composite/ Brass tube; Composite. Đường kính trong/ Inner diameter: 44,00÷476,50 mm Đường kính ngoài/ outside diameter: 66,00÷562,95 mm	00609/24CT01.WA 22/05/2024 22/05/2029 22/11/2026	CWA
3	Vật liệu bạc Polyme/ Polymeric marine bearing material Biaolong	Shandong Wantong Marine Engineering Co.,Ltd Địa chỉ: No. 17, Jiahe Road, Jiaming Economic Development Zone, Dongchangfu Dist., Liaocheng, Shandong, China Shandong Wantong Marine Engineering Co.,Ltd Address: No. 17, Jiahe Road, Jiaming Economic Development Zone, Dongchangfu Dist., Liaocheng, Shandong, China	Vật liệu/ Material: Polymer Kiểu/ Type: Biaolong-IVA Tỷ trọng/ Density: 1.13 ÷ 1.70 g/cm³ Kích thước (Đường kính ngoài x đường kính trong x chiều dài)/ Diamention (outside dia. x inside dia. x length): External Dimension: Max Ø1150 x 1500 mm Độ cứng/ Hardness: ≥70 Shore D	00472/23CN02.WA 03/07/2023 30/06/2028 03/01/2026	CWA
4	Vật liệu Chocking dùng đỡ máy/ Chocking Material for Engines DURASIN	Daemmstoff Industrie Korea Ltd. Địa chỉ: 162, Dasan-ro, Saha-gu, Busan, Korea Daemmstoff Industrie Korea Ltd. Address: 162, Dasan-ro, Saha-gu, Busan, Korea	Nhiệt độ làm việc lớn nhất/ Max. Service Temperature: 20/30/40/50/60/70/80/90/100℃ Tổng áp suất bề mặt lớn nhất/ Max. Total Surface Pressure: 12.5/11.4/10.3/9.1/7.8/6.4/5.0/3.9/3.2 N/mm² Áp suất lớn nhất/trọng lượng/ Max Pressure/weight (Max. Pressure due to dead weight): 0.9 N/mm² Nhiệt độ cho phép lớn nhất/ Max. Allowable Temperature: 80℃	00429/19CN01.WA 15/11/2019 15/11/2024 15/05/2022	CWA

Số TT *No.*	**Sản phẩm** *Product*	**Cơ sở chế tạo** *Manufacturer*	**Đặc tính** *Spectifications*	**Số GCN/** *Certificate No* **Ngày cấp/** *Date of issue* **Ngày hết hạn/** *Expiry Date* **Ngày ĐGCK/** *Period Date*	**Loại hình công nhận** *Approval Mode*
5	Vật liệu Chocking dùng đỡ két/ Chocking Material for Tank Support DURASIN	Daemmstoff Industrie Korea Ltd. Địa chỉ: 162, Dasan-ro, Saha-gu, Busan, Korea Daemmstoff Industrie Korea Ltd. Address: 162, Dasan-ro, Saha-gu, Busan, Korea	Giới hạn bền nén/ Compressive Strength (ISO 604): 88 N/mm² Giới hạn bền cắt/ Shear Strength (ASTM D732-17): 52.5 N/mm²	00429/19CN02.WA 15/11/2019 15/11/2024 15/05/2022	CWA